

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-PT  
Ngày 14 tháng 7 năm 2021  
V/v “*Chia TS chung sau ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Minh.

*Các Thẩm phán:* Ông Vũ Văn Giáp.

Bà Nguyễn Tuyết Mai.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Chu Quang Duy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Thân Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2021/TLPT-HNGĐ ngày 22-01-2021 về “*Chia tài sản chung sau ly hôn*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2020/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Ninh có kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 28/2021/QĐPT-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh.

- *Bị đơn:* Anh Đinh Xuân S, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:* Luật sư Nguyễn Văn B, Công ty Luật B – Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

Địa chỉ: Số Q, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

*Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:* Chị kết hôn với anh Đinh Xuân S vào năm 1993 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã

T. Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên đã được Tòa án nhân dân huyện L giải quyết cho vợ chồng được ly hôn vào ngày 30 tháng 10 năm 2019. Về phần tài sản do anh chị không nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản nên cấp sơ thẩm không xem xét. Sau đó chị kháng cáo, tại bản án dân sự phúc thẩm số: 15/2020/HNGĐ - PT ngày 14/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh vẫn giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

Trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ chị T trình bày: Thửa đất số 423, tờ bản đồ số 27, có diện tích 190 m<sup>2</sup> nằm tại thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh có nguồn gốc là của bố mẹ anh S cho vợ chồng, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm chị T lại thay đổi lời khai và trình bày: Trước đây chị và anh S có bán một thửa đất ruộng và thêm tiền vào để đưa cho bố mẹ anh S thì bố mẹ anh S mới để cho chị và anh S thửa đất đó nhưng chị không có chứng cứ gì để chứng minh cho điều này.

Nay cả chị T và anh S đều xác định khối tài sản chung của anh chị gồm: Thửa đất số 423, tờ bản đồ số 27, có diện tích 190 m<sup>2</sup> nằm tại thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh trên đất có ngôi nhà trần 05 tầng, có diện tích khoảng 590m<sup>2</sup>; Thửa đất vườn số 143, tờ bản đồ 27 có diện tích 368 m<sup>2</sup> nằm tại thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh trên đất có 01 lán lợp tôn có diện tích khoảng 62m<sup>2</sup>. Các tài sản sinh hoạt trong gia đình ở Tầng 1 (tầng hầm) có: 01 Máy phát điện; ở Tầng 2 có: 01 bộ Sa lông gỗ hương, 01 Kệ tivi, 01 Ti vi to, 01 Tủ cá, 01 Ban thờ thần tài, 01 Điều hòa cây; phòng bếp có: 01 Bộ bàn ăn, 01 Ti vi, 01 Tủ lạnh, Bếp từ + Hút mùi + Lò nướng; phòng làm việc nhỏ có: 01 Ti vi, 01 bộ ghế Sopa + Bàn ghế ngồi, Quạt điện cơ + quạt nước + quạt cây + quạt ở phòng làm việc; Tầng 3 ở phòng ngủ to có: 01 bộ Sa lông, 01 Tủ gỗ lim đựng quần áo, 01 giường, 01 bàn trang điểm gỗ lim, 01 Ti vi, 01 kệ để ti vi, 01 Tủ cá nhân + kệ sách, 01 Quạt điện; phòng ngủ nhỏ có: 01 Giường ngủ, 01 kệ để ti vi, 01 Tủ đựng quần áo, 01 Quạt điện; Phòng hát KARAOKE có: 01 Ti vi, 01 bộ Đàn âm thanh hát, 01 Bộ ghế Sopa ngồi hát; Tầng 4 có: 01 Cabin xông hơi, 02 giường, 02 tủ, 02 quạt điện; Tầng 5 có: 01 Bàn thờ gỗ hương, 01 giường + máy tập + thiết bị ở phòng sau. Ngoài ra còn các tài sản khác như máy điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh, các vật dụng sinh hoạt khác có giá trị thấp và cây cối lâm lộc trên đất các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T đề nghị Tòa án chia đôi giá trị khối tài sản chung đó theo quy định của pháp luật. Anh S sử dụng toàn bộ khối tài sản chung đó thì anh S phải có nghĩa vụ trả tiền chênh lệch giá trị tài sản cho chị một nửa, nên anh S không sử dụng toàn bộ khối tài sản chung đó thì chị sử dụng và chị có trách nhiệm trả tiền chênh lệch giá trị tài sản cho anh S 6.500.000.000 đồng (sáu tỷ năm trăm triệu đồng).

Về công nợ: Anh chị không nợ ai và không ai nợ anh chị nên không đề nghị Tòa án giải quyết

Về công sức: Chị xác định bố mẹ và các con của anh chị không đóng góp công sức gì vào khối tài sản đó nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Bị đơn là anh Đinh Xuân S trình bày:* Anh xác nhận lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân là đúng. Đối với phần tài sản chung: Anh cũng thống nhất với chị T về những tài sản chung như chị T trình bày là đúng. Tuy nhiên, đối với thửa đất số 423, tờ bản đồ số 27, có diện tích 190 m<sup>2</sup> nằm tại thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh có nguồn gốc là của bố mẹ cho anh và chị T. Nay Tòa án phân chia khối tài sản chung của vợ chồng, anh có nguyện vọng được quản lý và sử dụng thửa đất số 423, tờ bản đồ số 27, có diện tích 190 m<sup>2</sup> tại thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh và sở hữu ngôi nhà trệt 5 tầng trên đất để làm nơi thờ cúng tổ tiên và hiện tại anh không có nơi ở nào khác. Anh đồng ý để chị T quản lý, sử dụng thửa đất số 143, tờ bản đồ 27 có diện tích 368 m<sup>2</sup> tại thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh và sở hữu 01 lán lợp tôn có diện tích khoảng 62m<sup>2</sup> trên thửa đất đó cùng toàn bộ các tài sản sinh hoạt trong gia đình, nếu bên nào sử dụng giá trị tài sản nhiều hơn thì bên đó có trách nhiệm trả tiền chênh lệch giá trị tài sản cho bên kia theo quy định của pháp luật.

Về công nợ: Anh chị không nợ ai và không ai nợ anh chị nên không đề nghị Tòa án giải quyết

Về công sức: Anh xác định bố mẹ và các con của anh chị không đóng góp công sức gì vào khối tài sản đó nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Từ những nội dung trên, Tòa án nhân dân huyện L đã căn cứ các Điều 35, 39, 147, 157, 165, 235, 264 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 59 Luật HNGĐ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu chia tài sản sau ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

2. Xác nhận khối tài sản chung của chị Nguyễn Thị T và anh Đinh Xuân S gồm: Thửa đất số 423, tờ bản đồ số 27, có diện tích 190 m<sup>2</sup> nằm tại thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh trên đất có ngôi nhà trệt 05 tầng có diện tích khoảng 590m<sup>2</sup> và Thửa đất số 143, tờ bản đồ 27 có diện tích 368m<sup>2</sup> nằm tại thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh trên đất có 01 lán lợp tôn có diện tích khoảng 62m<sup>2</sup>. Các tài sản sinh hoạt trong gia đình gồm có: Tầng 1 (tầng hầm) có: 01 Máy phát điện; Tầng 2 có: 01 bộ Sa lông gỗ hương, 01 Kệ tivi, 01 Ti vi to, 01 Tủ cá, 01 Bàn thờ thần tài, 01 Điều hòa cây; phòng bếp có: 01 Bộ bàn ăn, 01 Ti vi, 01 Tủ lạnh, Bếp từ + Hút mùi + Lò nướng; phòng làm việc nhỏ có: 01 Ti vi, 01 bộ ghế Sopa + Bàn ghế ngồi, Quạt điện cơ + quạt nước + quạt cây + quạt ở phòng làm việc; Tầng 3 ở phòng ngủ to có: 01 bộ Sa lông, 01 Tủ gỗ lim đựng quần áo, 01 giường, 01 bàn trang điểm gỗ lim, 01 Ti vi, 01 kệ để ti vi, 01 Tủ cá nhân + kệ sách, 01 Quạt điện; phòng ngủ nhỏ có: 01 Giường ngủ, 01 kệ để ti vi, 01 Tủ đựng quần áo, 01 Quạt điện; Phòng hát KARAOKE có: 01 Ti vi, 01 bộ Đàn âm thanh hát, 01 Bộ ghế Sopa ngồi hát; Tầng 4 có: 01 Cabin xông hơi, 02 giường, 02 tủ, 02 quạt điện; Tầng 5 có: 01 Bàn thờ gỗ hương, 01giường + máy tập + thiết bị ở phòng sau.

3. Giao cho anh Đinh Xuân S được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 423, tờ bản đồ số 27, có diện tích 190m<sup>2</sup> tại thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh và sở

hữu ngôi nhà trần 05 tầng có diện tích khoảng 590m<sup>2</sup> trên đất cùng các tài sản sinh hoạt trong gia đình ở Tầng 1 (tầng hầm): 01 Máy phát điện; ở Tầng 2: 01 bộ Sa lông gỗ hương, 01 Kệ tivi, 01 Ti vi to, 01 Tủ cá, 01 Ban thờ thần tài, 01 Điều hòa cây; phòng bếp: 01 Bộ bàn ăn, 01 Ti vi, 01 Tủ lạnh, Bếp từ + Hút mùi + Lò nướng; phòng làm việc nhỏ: 01 Ti vi, 01 bộ ghế Sopa + Bàn ghế ngồi, Quạt điện cơ + quạt nước + quạt cây + quạt ở phòng làm việc; Tầng 3 ở phòng ngủ to: 01 bộ Sa lông, 01 Tủ gỗ lim đựng quần áo, 01 giường, 01 bàn trang điểm gỗ lim, 01 Ti vi, 01 kệ để ti vi, 01 Tủ cá nhân + kệ sách, 01 Quạt điện; phòng ngủ nhỏ: 01 Giường ngủ, 01 kệ để ti vi, 01 Tủ đựng quần áo, 01 Quạt điện; Phòng hát KARAOKE: 01 Ti vi, 01 bộ Đàn âm thanh hát, 01 Bộ ghế Sopa ngồi hát; Tầng 4: 01 Cabin xông hơi, 02 giường, 02 tủ, 02 quạt điện; Tầng 5: 01 Bàn thờ gỗ hương, 01 giường + máy tập + thiết bị ở phòng sau

4. Giao cho anh Đinh Xuân S được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 143, tờ bản đồ 27 có diện tích 368 m<sup>2</sup> tại thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh và sở hữu 01 lán lợp tôn trên đất có diện tích khoảng 62m<sup>2</sup> cùng các cây cối lâm lộc trên hai thửa đất được giao nhưng anh Đinh Xuân S phải có nghĩa vụ trích trả chị Nguyễn Thị T tiền chênh lệch giá trị tài sản là 6.334.671.000 đồng (sáu tỷ, ba trăm ba mươi tư triệu, sáu trăm bảy mươi một nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17 tháng 12 năm 2020, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T kháng cáo bản án sơ thẩm. Chị cho rằng khối tài sản chung của vợ chồng là thửa đất và nhà ở định giá quá thấp nên không bảo vệ được quyền lợi cho chị.

Ngày 18 tháng 12 năm 2020, bị đơn là anh Đinh Xuân S kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Anh cho rằng cấp sơ thẩm định giá thửa diện tích 368m<sup>2</sup> có giá trị 3.987.280.000 đồng là không đúng với giá trị thực tế vì đây là thửa đất trồng cây nuôi cá có giá trị khoảng 400.000.000 đồng. Đối với thửa đất số 423, tờ bản đồ số 27, diện tích 190m<sup>2</sup> là tài sản do bố mẹ anh cho để ở nên anh chỉ đồng ý trích chia cho chị T 40% giá trị thửa đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 14/4/2021 người kháng cáo là anh Đinh Xuân S thay đổi yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy phần tài sản về chia diện tích thửa đất vườn và cho rằng việc định giá phần diện tích này là không khách quan, có vi phạm về định giá nhưng lại không có yêu cầu định giá lại. Về phía chị Nguyễn Thị T không yêu cầu định giá lại thửa đất ở có ngôi nhà, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, qua quá trình tranh tụng anh Đinh Xuân S và chị Nguyễn Thị T đã thống nhất thỏa thuận như sau:

Anh Đinh Xuân S được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản chung của vợ chồng nhưng phải trích trả cho chị Nguyễn Thị T 6.000.000.000 đồng (sáu tỷ đồng) vào ba thời điểm:

Ngày 24/7/2021 trả 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng).

Ngày 24/9/2021 trả 2.000.000.000 (hai tỷ đồng).

Ngày 30/12/2021 trả 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận được với nhau để giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị T và anh Đinh Xuân S.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của chị Nguyễn Thị T và anh Đinh Xuân S trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, anh Đinh Xuân S và chị Nguyễn Thị T đã thống nhất thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

Anh Đinh Xuân S được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản chung của vợ chồng nhưng phải trích trả cho chị Nguyễn Thị T 6.000.000.000 đồng (sáu tỷ đồng) vào ba thời điểm:

Ngày 24/7/2021 trả 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng).

Ngày 24/9/2021 trả 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng).

Ngày 30/12/2021 trả 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng).

Hội đồng xét xử thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần công nhận sự thỏa thuận này.

[3] Chị T và anh S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

Căn cứ Điều 300; khoản 2 Điều 308 Bộ Luật Tố tụng dân sự,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 35, 39, 148, 157, 165, 307, 264 và Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Xác nhận khối tài sản chung của chị Nguyễn Thị T và anh Đinh Xuân S gồm: Thửa đất số 423, tờ bản đồ số 27, có diện tích 190 m<sup>2</sup> nằm tại thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh trên đất có ngôi nhà trệt 05 tầng có diện tích khoảng 590m<sup>2</sup> và Thửa đất số 143, tờ bản đồ 27 có diện tích 368m<sup>2</sup> nằm tại thôn H, xã T,

huyện L, tỉnh Bắc Ninh trên đất có 01 lán lợp tôn có diện tích khoảng 62m<sup>2</sup>. Các tài sản sinh hoạt trong gia đình gồm có: Tầng 1 (tầng hầm) có: 01 Máy phát điện; Tầng 2 có: 01 bộ Sa lông gỗ hương, 01 Kệ tivi, 01 Ti vi to, 01 Tủ cá, 01 Ban thờ thần tài, 01 Điều hòa cây; phòng bếp có: 01 Bộ bàn ăn, 01 Ti vi, 01 Tủ lạnh, Bếp từ + Hút mùi + Lò nướng; phòng làm việc nhỏ có: 01 Ti vi, 01 bộ ghế Sopa + Bàn ghế ngồi, Quạt điện cơ + quạt nước + quạt cây + quạt ở phòng làm việc; Tầng 3 ở phòng ngủ to có: 01 bộ Sa lông, 01 Tủ gỗ lim đựng quần áo, 01 giường, 01 bàn trang điểm gỗ lim, 01 Ti vi, 01 kệ để ti vi, 01 Tủ cá nhân + kệ sách, 01 Quạt điện; phòng ngủ nhỏ có: 01 Giường ngủ, 01 kệ để ti vi, 01 Tủ đựng quần áo, 01 Quạt điện; Phòng hát KARAOKE có: 01 Ti vi, 01 bộ Đàn âm thanh hát, 01 Bộ ghế Sopa ngồi hát; Tầng 4 có: 01 Cabin xông hơi, 02 giường, 02 tủ, 02 quạt điện; Tầng 5 có: 01 Bàn thờ gỗ hương, 01 giường + máy tập + thiết bị ở phòng sau.

\* Giao cho anh Đinh Xuân S được quyền quản lý, sử dụng:

- Thừa đất số 423, tờ bản đồ số 27, có diện tích 190m<sup>2</sup> tại thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh và sở hữu ngôi nhà trần 05 tầng có diện tích khoảng 590m<sup>2</sup> trên đất cùng các tài sản sinh hoạt trong gia đình ở Tầng 1 (tầng hầm): 01 Máy phát điện; ở Tầng 2: 01 bộ Sa lông gỗ hương, 01 Kệ tivi, 01 Ti vi to, 01 Tủ cá, 01 Ban thờ thần tài, 01 Điều hòa cây; phòng bếp: 01 Bộ bàn ăn, 01 Ti vi, 01 Tủ lạnh, Bếp từ + Hút mùi + Lò nướng; phòng làm việc nhỏ: 01 Ti vi, 01 bộ ghế Sopa + Bàn ghế ngồi, Quạt điện cơ + quạt nước + quạt cây + quạt ở phòng làm việc; Tầng 3 ở phòng ngủ to: 01 bộ Sa lông, 01 Tủ gỗ lim đựng quần áo, 01 giường, 01 bàn trang điểm gỗ lim, 01 Ti vi, 01 kệ để ti vi, 01 Tủ cá nhân + kệ sách, 01 Quạt điện; phòng ngủ nhỏ: 01 Giường ngủ, 01 kệ để ti vi, 01 Tủ đựng quần áo, 01 Quạt điện; Phòng hát KARAOKE: 01 Ti vi, 01 bộ Đàn âm thanh hát, 01 Bộ ghế Sopa ngồi hát; Tầng 4: 01 Cabin xông hơi, 02 giường, 02 tủ, 02 quạt điện; Tầng 5: 01 Bàn thờ gỗ hương, 01 giường + máy tập + thiết bị ở phòng sau.

- Thừa đất số 143, tờ bản đồ 27 có diện tích 368 m<sup>2</sup> tại thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh và 01 lán lợp tôn trên đất có diện tích khoảng 62m<sup>2</sup> cùng các cây cối lâm lộc.

\* Anh Đinh Xuân S phải có nghĩa vụ trích trả chị Nguyễn Thị T tiền chênh lệch giá trị tài sản là 6.000.000.000 đồng (sáu tỷ đồng) vào ba thời điểm:

- Ngày 24/7/2021 trả 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng).
- Ngày 24/9/2021 trả 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng).
- Ngày 30/12/2021 trả 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Chị Nguyễn Thị T và anh Đinh Xuân S phải chịu 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) chi phí định giá tài sản, chi phí thẩm định giá và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Xác nhận chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ 15.000.000 đồng tại Tòa án. Buộc anh Đinh Xuân S phải có

nghĩa vụ trả lại chị Nguyễn Thị T 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) chi phí định giá tài sản, chi phí thẩm định giá và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T và anh Đinh Xuân S mỗi người phải chịu 112.000.000 đồng (một trăm mười hai triệu đồng) án phí dân sự chia tài sản. Xác nhận chị Nguyễn Thị T đã nộp 60.500.000 đồng (sáu mươi triệu, năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0001662 ngày 02/6/2020 và 47.500.000 đồng (bốn mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0001743 ngày 03/9/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Chị Nguyễn Thị T và anh Đinh Xuân S mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận chị T đã nộp đủ số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0001851 ngày 17/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Xác nhận anh S đã nộp đủ số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0001852 ngày 18/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Hữu Minh**